TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11/6/2019
Về tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bé.

Bà Nguyễn Thị Tuyết Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Màu, Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 166/2019/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 3 năm 2019, về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2019/QĐST-DS ngày 30/5/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị L**, sinh năm 1996 (có mặt);

Nơi ĐKHKTT: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tạm trú: Ấp D, xã Vĩnh Th, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Lê Văn L1**, sinh năm 1993 (vắng mặt không có lý do);

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1970 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Vào năm 2013, chị có xác lập quan hệ vợ chồng với anh Lê Văn L1, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 05/8/2014.

Trong quá trình chung sống hạnh phúc vợ chồng có con chung tên Lê Gia H, sinh ngày 16/02/2015, hiện do chị L đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng sống chung với nhau không hòa hợp tính tình, anh L1 ghen tuông vô cớ, nhiều lần dùng dao hâm dọa đòi giết chết chị, do đó chị rất sợ, nên về nhà cha mẹ ruột tại ấp D, xã Vĩnh Th, huyện V, tỉnh Hậu Giang sinh sống cho đến nay. Cha mẹ hai bên nhiều lần hòa giải nhưng anh L1 vẫn không thay đổi tính tình mà ngược lại thường xuyên uống rượu và điện thoại thách thức yêu cầu chị ly hôn, từ đó dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn lại được. Chị và anh L1 đã sống ly thân 08/2018 cho đến nay mỗi người sống một nơi mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai.

- Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện chị khai có 05 chỉ vàng 24 Kara (*01 đôi bông tai là 01 chỉ vàng; 01 sợi dây chuyền 02 chỉ vàng; 01 tấm lắc 02 chỉ vàng*). Khi ly hôn chị yêu cầu được hưởng 2,5 chỉ vàng 24 Kara và đồng ý để anh L1 hưởng 2,5 chỉ vàng 24 Kara. Số vàng trên hiện tại do mẹ chồng là bà Nguyễn Thị H đang quản lý. Nay chị xin rút yêu cầu chia tài sản chung; về tài sản chung để chị và anh L1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị khai không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Nay chị L thấy không còn tình cảm với anh L1 yêu cầu được ly hôn.

Bị đơn anh Lê Văn L1 vắng mặt không có lời trình bày tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H vắng mặt không có lời trình bày tại phiên tòa.

Đối với bị đơn anh L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh L1 và bà H không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham dự phiên tòa xét xử, nên Tòa án không lấy lời khai của các đương sự được và các đương sự cũng không nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gì để phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị L.

Vì vậy Tòa án không kết luận được những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất và không thống nhất.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn anh L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự là vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Lê Văn L1; về con chung: Giao cháu Lê Gia H, sinh ngày 16/02/2015 cho chị Phạm Thị L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, do chị Phạm Thị L không yêu cầu anh Lê Văn L1 cấp dưỡng nuôi con, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị L về việc chia tài sản chung. Các đương sự có quyền khởi kiện lại để yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; về nợ chung: Không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh L1 vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L xác lập quan hệ vợ chồng với anh L1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 103/2014, ngày 05/8/2014, đúng theo quy định của pháp luật cho nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

[3] Theo chị L trình bày thì trong thời gian sinh sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh L1 thường xuyên ghen tuông vô cớ, nhiều lần dùng dao hâm dọa đòi giết chết chị, do đó chị rất sợ, nên về nhà cha mẹ ruột tại ấp D, xã Vĩnh Th, huyện V, tỉnh Hậu Giang sinh sống cho đến nay. Cha mẹ hai bên nhiều lần hòa giải nhưng anh L1 vẫn không thay đổi tính tình mà ngược lại anh thường xuyên uống rượu và điện thoại thách thức chị L ly hôn, từ đó dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn lại được. Chị và anh L1 đã sống ly thân 08/2018 cho đến nay mỗi người sống một nơi không còn yêu thương chăm sóc

lẫn nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa án nhiều lần triệu tập anh L1 đến giải quyết vụ án nhưng anh cố tình vắng mặt không có lý do, đáng lẽ ra anh muốn hàn gắn tình cảm với chị L thì khi Tòa án triệu tập anh phải có mặt để trình bày nguyện vọng của mình để Tòa án xem xét, nhưng ngược lại anh bỏ mặc, không quan tâm đến việc giải quyết vụ án thể hiện ý chí của anh không quan tâm đến việc hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này với chị L. Ngoài ra theo biên bản xác minh ngày 03/5/2019 (BL số 26, 27) thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn chính do anh L1 thường xuyên ghen tuông vô cớ, nhiều lần dùng dao hâm dọa đòi giết chết chị L. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định anh L1 có hành vi bạo lực gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị L yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh L1 là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Xét thấy cháu Lê Gia H, sinh ngày 16/02/2015, hiện do chị L đang nuôi dưỡng luôn đảm bảo phát triển đầy đủ về mọi mặt, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đồng thời anh L1 không có văn bản nào thể hiện ý chí tranh chấp việc nuôi con với chị L, để đảm bảo cho cháu H có điều kiện phát triển đầy đủ về mọi mặt và cũng như không xáo trộn cuộc sống của cháu H, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu H cho chị L được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp đúng quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị L không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị L xin rút yêu cầu chia tài sản chung là 05 chỉ vàng, loại 24 Kara; về tài sản chung chị L yêu cầu được tự thỏa thuận với anh L1, bị đơn anh L1 không có ý kiến gì phản phản tố và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H không có yêu cầu độc lập, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung. Các đương sự có quyền khởi kiện lại để yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[7] Về nợ chung: Chị L khai không có và anh L1 không có ý kiến gì phản tố, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[9] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh L1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 218, 219, 227, 228, 244, 273 và 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Lê Văn L1.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Gia H, sinh ngày 16/02/2015 cho chị Phạm Thị L được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Văn L1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị L về việc chia tài sản chung là 05 chỉ vàng, loại 24 Kara. Các đương sự có quyền khởi kiện lại để yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (phần án phí hôn nhân và gia đình), nhưng được trừ vào số tiền 525.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002363, ngày 27/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần; Hoàn trả lại cho chị Phạm Thị L số tiền chênh lệch là 225.0000 đồng.

Anh Lê Văn L1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (phần án phí hôn nhân và gia đình).

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 7c và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Ủy ban nhân dân xã H
(chứng nhận kết hôn số: 103, ngày 05/8/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Hoàng Ân